



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Phòng Thông tin - Văn hóa

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh, Hà Nội
Tel: 831-4580 * Fax: 831-4601 * Email: irchano@pd.state.gov

Báo cáo của Cơ quan Nghiên cứu Phục vụ Quốc hội Cập nhật ngày 21/11/2002

QUAN HỆ TRUNG - MỸ

Kerry Dumbaugh
Ban Đối ngoại, Quốc phòng và Thương mại

Lưu ý: Cơ quan Nghiên cứu Phục vụ Quốc hội (CRS) là một cơ quan nghiên cứu thuộc Quốc hội Mỹ nhằm cung cấp thông tin để Quốc hội xem xét trong quá trình lập pháp. Các báo cáo của CRS không phản ánh chính sách của chính phủ Mỹ, mà chỉ nhằm cung cấp những cách nhìn khác nhau mang tính phân tích về những vấn đề quan trọng cho Quốc hội.

MỤC LỤC

TÓM TẮT

NHỮNG DIỄN BIẾN MỚI NHẤT

BỐI CẢNH VÀ PHÂN TÍCH

Bối cảnh

Phản ứng của CHND Trung Hoa đối với Sáng kiến chống khủng bố của Mỹ

Những vấn đề khác trong quan hệ Trung - Mỹ

Người tị nạn Bắc Triều Tiên

"Cuộc gặp thượng đỉnh" Mỹ - Trung

Các vấn đề nhân quyền

Đàn áp các tín ngưỡng tôn giáo

Nhà tù/Lao động trong nhà tù ở Trung Quốc

Kế hoạch hóa gia đình/Phá thai cưỡng bức

Tình trạng bất ổn trong lao động

Các Ủy ban của Mỹ về Trung Quốc

Ủy ban chung giữa Quốc hội và Chính phủ về CHND Trung Hoa

Ủy ban Tổng kết An ninh Trung - Mỹ

Các vấn đề trong Quan hệ An ninh Trung - Mỹ

Báo cáo năm 2002 của Bộ Quốc phòng về Sức mạnh Quân sự của Trung Quốc

Đánh giá Tình báo Quốc gia của Mỹ năm 2002

Sách trắng "Quốc phòng Trung Quốc năm 2000"

Vấn đề phổ biến vũ khí
Các cáo buộc về hoạt động gián điệp
Cáo buộc về các kế hoạch tấn công trên mạng

Các vấn đề kinh tế

Quy chế "Quan hệ Thương mại Bình thường" (NTR)/Quy chế "Tối huệ quốc" (MFN)

Các vấn đề về chủ quyền: Đài Loan, Tây Tạng, Hồng Kông

Đài Loan

Tây Tạng

Giải pháp về Chính sách của Mỹ

CÁC ĐẠO LUẬT

CÁC SỰ KIỆN CHÍNH

TÀI LIỆU THAM KHẢO THÊM

Các bản Báo cáo và Tóm lược vấn đề của CRS

QUAN HỆ TRUNG - MỸ

TÓM LƯỢC

Sau những cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ ngày 11/9/2001, Mỹ và Cộng hòa Nhân dân (CHND) Trung Hoa dường như đang thay đổi những tính toán trong chính sách đối ngoại của mình. Chính quyền của George W. Bush nhậm chức tháng 1/2001 đã coi CHND Trung Hoa là "đối thủ cạnh tranh chiến lược" của Mỹ. Các quan chức trong chính phủ đã sớm đương đầu với thử thách hồi tháng 4/2001 khi một phản lực cơ của Trung Quốc đã đâm vào một máy bay do thám của Hải quân Mỹ trên Biển Nam Trung Hoa và kết cục là quan hệ hai nước trở nên căng thẳng và Trung Quốc cáo buộc những hoạt động do thám của Mỹ là những hành động không thân thiện. Tuy vậy, kể từ sau 11/9, các quan chức Mỹ đã coi Bắc Kinh là một đồng minh tương lai trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu, đồng thời các quan chức Trung Quốc coi chiến dịch chống khủng bố là cơ hội để cải thiện quan hệ với Washington và có lẽ còn để đạt được một số nhượng bộ chính sách về những vấn đề quan trọng đối với Bắc Kinh. Những ưu tiên chống khủng bố của Mỹ đã khiến một số người cho rằng hợp tác chống khủng bố có thể là một khuôn khổ chiến lược mới của quan hệ Trung - Mỹ.

Nhưng cũng có nhiều vấn đề phức tạp và trở ngại trong quá trình hợp tác này. Ví dụ định nghĩa của Trung Quốc về nội dung của chủ nghĩa khủng bố mở rộng hơn nhiều so với định nghĩa của Mỹ và bao gồm cả bất kỳ sự bày tỏ quan điểm chính trị nào về độc lập dưới hình thức bạo động hay hòa bình của người Tây Tạng, người Hồi giáo Uighrur, người Đài Loan và những nhóm khác. Vì Mỹ khẳng định rằng không thể lợi dụng chiến dịch chống khủng bố để đàn áp những nhóm này nên quan hệ hợp tác Trung - Mỹ có những hạn chế. Hơn nữa, việc Mỹ lãnh đạo chiến dịch chống khủng bố đã làm cho Washington

đột nhiên trở thành một đối thủ tranh giành ảnh hưởng đáng sợ hơn ở Trung Á, nơi mà Bắc Kinh đã xâm nhập thành công về mặt chính trị trong những năm gần đây, và ở Pakistan, nước có một quan hệ truyền thống chật chẽ với Bắc Kinh.

Hơn nữa, dù cho chiến dịch chống khủng bố sẽ che lấp đi những vấn đề song phương đã có từ trước trong quan hệ Mỹ - Trung nhưng những vấn đề đó không thể biến mất được. Hai bên vẫn rất nhạy cảm đối với những vấn đề dai dẳng như thành tích lạm dụng nhân quyền của Trung Quốc và những cáo buộc Trung Quốc thường xuyên vi phạm những cam kết không phổ biến vũ khí dẫn đến làm tăng khả năng vũ khí hủy diệt hàng loạt có thể rơi vào tay bọn khủng bố. CHND Trung Hoa vẫn nghi ngờ vụ ném bom nhầm của NATO vào Sứ quán Trung Quốc ở Belgrade năm 1999, đồng thời lo ngại về sự hiện diện của Mỹ ở châu Á mà họ cho là mang tính chất "bao vây" Trung Quốc, và cảnh giác đối với những ưu thế về công nghệ cũng như ảnh hưởng toàn cầu của Mỹ. Đài Loan vẫn là vấn đề nhạy cảm và dễ bùng nổ nhất trong quan hệ Trung - Mỹ với việc các quan chức Mỹ ngày càng ủng hộ an ninh và quá trình dân chủ hóa của Đài Loan trong khi các quan chức CHND Trung Hoa kiên quyết thống nhất Đài Loan với CHND Trung Hoa .

Một vấn đề song phương dai dẳng đã được giải quyết đó là tranh luận nội bộ Mỹ về quy chế Quan hệ Thương mại Bình thường (Normal Trade Relations - NTR) của Trung Quốc. Quốc hội khóa 106 đã ban bố đạo luật H.R.4444 (P.L.106-286) dành quy chế NTR vĩnh viễn cho CHND Trung Hoa khi nước này gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). CHND Trung Hoa đã chính thức gia nhập WTO ngày 11/12/2001. Những tranh luận thương mại trong thời gian tới liên quan đến CHND Trung Hoa sẽ được tiến hành trong khuôn khổ đa phương này về việc Bắc Kinh có tuân thủ những thỏa thuận với WTO không.

Quốc hội khóa 107 đã tích cực ban hành nhiều đạo luật về các vấn đề liên quan đến Trung Quốc như đạo luật P.L.107-10 cho phép Tổng thống ủng hộ Đài Loan làm quan sát viên trong Tổ chức Y tế Thế giới, và đạo luật P.L.107-228 hay còn gọi là Đạo luật về Quyền trong Hoạt động Đối ngoại gồm những điều khoản về Trung Quốc, Đài Loan và Tây Tạng.

NHỮNG DIỄN BIẾN MỚI NHẤT

Từ ngày 8-14/11/2002, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tổ chức Đại hội Đảng XVI và bổ nhiệm ông Hồ Cẩm Đào làm Tổng Bí thư mới (thay ông Giang Trạch Dân) và chọn ra Bộ Chính trị mới gồm 24 thành viên và Ủy ban Thường vụ gồm 9 thành viên. Đây là những cơ quan ra quyết định và hoạch định chính sách hàng đầu ở Trung Quốc. Trong số các ủy viên mới của Ủy ban Thường vụ, chỉ có ông Hồ Cẩm Đào là ủy viên của Ủy ban Thường vụ khóa trước.

Vào ngày 23/9/2002, một tàu tiếp tế của Hải quân Trung Quốc và một trong những tàu chiến hiện đại nhất của CHND Trung Hoa là tàu khu trục có trang bị tên lửa (tàu Thanh Đảo) đã hoàn tất chuyến đi vòng quanh thế giới đầu tiên của Hải quân Trung Quốc.

Những tàu này đã hoàn thành hành trình bốn tháng đi qua Kênh đào Panama và ghé thăm cảng của 10 nước.

Vào ngày 26/8/2002, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Richard Armitage đã thông báo Mỹ xếp Phong trào Hồi giáo Đông Turkestan (East Turkestan Islamic Movement - ETIM) vào danh sách các nhóm khủng bố.

Vào ngày 25/8/2002, Bắc Kinh công bố những quy định mới kiểm soát xuất khẩu có liên quan đến tên lửa. Có thể tìm toàn văn các quy định tại địa chỉ <http://www.china-embassy.org/eng/33977.html>.

BỐI CẢNH VÀ PHÂN TÍCH

Bối cảnh

Kể từ đầu thập niên 1990, quan hệ Trung - Mỹ đã trải qua nhiều thăng trầm, những cải thiện khiêm tốn bị che phủ bởi nhiều khó khăn và trở ngại tái diễn. Những vấn đề song phương từ lâu chưa giải quyết được gồm có mối quan ngại của Mỹ về tình hình nhân quyền ngày càng xấu đi của Trung Quốc, căng thẳng ngày càng tăng về việc tăng cường lực lượng vũ trang ở phía Nam Trung Quốc giáp Đài Loan và địa vị chính trị của Đài Loan, tranh cãi tiếp tục về cáo buộc Trung Quốc phổ biến vũ khí cho các chế độ bất ổn. Xen kẽ trong những vấn đề này là các cuộc khủng hoảng thường xuyên như các cuộc tập trận khiêu khích bắn tên lửa thật của CHND Trung Hoa tại Eo biển Đài Loan năm 1995-1996, cáo buộc người Trung Quốc làm gián điệp và làm lộ bí mật quân sự của Mỹ năm 1997-1998, vụ ném bom nhầm của NATO vào Sứ quán Trung Quốc ở Belgrade tháng 5/1999, và vụ đâm nhau của một phản lực cơ chiến đấu của CHND Trung Hoa với một máy bay do thám của Hải quân Mỹ ở Biển Nam Trung Hoa năm 2001. Tất cả những vấn đề này đã xảy ra trong bối cảnh sự nghi ngờ lẫn nhau ngày càng tăng về mối đe dọa an ninh rõ ràng mà hai bên gây ra cho nhau.

Chính quyền của Tổng thống Bush cha đã mất bốn năm từ 1989-1992 để cố gắng duy trì quan hệ Trung - Mỹ và thực hiện chính sách “dính líu” với Trung Quốc bất chấp sự chống đối ngày càng tăng của Quốc hội sau cuộc đàn áp Quảng trường Thiên An Môn năm 1989. Chính quyền Clinton ban đầu có lập trường khá khác biệt cho rằng Mỹ nên sử dụng đòn bẩy kinh tế để thúc đẩy dân chủ và chuyển biến ở CHND Trung Hoa. Nhưng cũng như người tiền nhiệm của mình, Tổng thống Clinton cũng chuyển sang ủng hộ chính sách “dính líu” với Trung Quốc, mà theo ngôn từ của các quan chức trong chính quyền này là “mối quan hệ đối tác chiến lược”. Các chính sách “dính líu” nói chung của cả chính quyền Bush và Clinton tiếp tục bị các nhà quan sát ở Mỹ chỉ trích, trong đó có cả các nghị sĩ. Những người này ngày càng xem CHND Trung Hoa là mối đe dọa an ninh lâu dài chủ yếu đối với Mỹ.

Khi nhậm chức vào tháng 1/2001, Chính quyền George W. Bush đã cam kết thực hiện một chính sách cứng rắn hơn chính sách của hai người tiền nhiệm trước đó và coi CHND Trung Hoa là “đối thủ cạnh tranh chiến lược” của Mỹ. Các quan chức chính quyền Bush cho biết họ sẽ mở rộng trọng tâm chính sách của Mỹ ở châu Á, tập trung nhiều hơn vào Nhật Bản và các đồng minh khác của Mỹ cũng như bớt chú trọng vào quan hệ Trung -

Mỹ. Chính sách của chính quyền sớm được thử nghiệm vào ngày 1/4/2001 khi một phản lực cơ chiến đấu của Trung Quốc đâm vào một máy bay do thám EP-3 của Hải quân Mỹ trên Biển Nam Trung Hoa, buộc máy bay của Mỹ phải hạ cánh khẩn cấp tại một căn cứ quân sự trên Đảo Hải Nam của Trung Quốc. Trong tình trạng bế tắc cảng thẳng đó, Trung Quốc đã giữ 24 thành viên của phi hành đoàn Mỹ trong 11 ngày và yêu cầu quân đội Mỹ tháo dỡ máy bay EP-3 và chở về Mỹ thay vì sửa chữa và bay về.

Sau sự khởi đầu sóng gió này, những vụ tấn công khủng bố ngày 11/9/2001 vào nước Mỹ dường như đã tác động tới các bài tính về chính sách của cả Washington và Bắc Kinh. Chính quyền Bush có vẻ đã thấy được khả năng hợp tác Trung - Mỹ trong ưu tiên chính sách chống lại khủng bố toàn cầu, và các quan chức Mỹ đã bớt coi trọng những bất đồng và vấn đề cơ bản khác trước đó trong mối quan hệ. Các quan chức Mỹ đã tìm kiếm sự ủng hộ của Trung Quốc và các nước trong khu vực cũng như trong các sáng kiến trình lên Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc vì Trung Quốc là ủy viên thường trực của Hội đồng này. Nhưng các quan chức trong Chính quyền Bush cũng đề nghị nên hợp tác hạn chế và trong những tháng sau sự kiện 11/9, Tổng thống và các quan chức khác trong Chính quyền đã tiếp tục thực hiện một chính sách có vẻ cứng rắn hơn đối với Trung Quốc và ít quan tâm hơn tới quan điểm của Bắc Kinh.

Để phản ứng lại với những sáng kiến cứng rắn hơn của Chính quyền Bush, nhiều người cho rằng Bắc Kinh đã có lập trường rất mềm mỏng. Dù các nhà lãnh đạo Trung Quốc được cho là rất cảnh giác với những tiền lệ của chính sách quyết đoán hơn của Mỹ đối với Đài Loan và sự tăng cường hiện diện của Mỹ ở Trung và Nam á nhưng những tuyên bố của họ về các vấn đề này và những sáng kiến khác của Mỹ đều khá yếu ớt. Thực ra một số người cho rằng các nhà lãnh đạo Trung Quốc có vẻ mong muốn đảm bảo quan hệ

Trung - Mỹ suôn sẻ trong bối cảnh hiện nay và giữ thái độ nhún nhường khác thường bất chấp thái độ cương quyết của Mỹ. Cũng có thể lập trường nhún nhường này của Trung Quốc là kết quả của việc Bắc Kinh rất quan tâm tới giai đoạn quá độ trong bộ máy lãnh đạo hiện đang diễn ra. Từ ngày 8-14/11/2002, Đảng Cộng sản đã tổ chức Đại hội Đảng lần thứ XVI và chọn ông Hồ Cẩm Đào làm Tổng Bí thư mới, bổ nhiệm 24 ủy viên mới của Bộ Chính trị và 9 ủy viên mới của Uỷ ban Thường vụ, có nhiều sửa đổi cơ bản trong Hiến pháp của Đảng. Một số nhà quan sát cho rằng quan điểm của Bắc Kinh đối với chính sách của Mỹ có thể sẽ thay đổi một khi giai đoạn quá độ trong bộ máy lãnh đạo hoàn tất năm 2003.

Phản ứng của Trung Quốc đối với các sáng kiến chống khủng bố của Mỹ

Nhiều người dự đoán rằng nỗ lực chống khủng bố của Mỹ có thể tạo ra một khuôn khổ mới cho quan hệ Trung - Mỹ. Tuy nhiên các quan chức của Chính quyền Bush không tìm kiếm hay trông đợi sự ủng hộ đáng kể của Trung Quốc. Bản thân Trung Quốc cũng là mục tiêu của đánh bom, phá hoại và các cuộc tấn công khủng bố khác chủ yếu được cho là do các nhóm thiểu số Hồi giáo cực đoan (đa số là người Uighur) ở Tân Cương phía Tây Bắc Trung Quốc gây ra. Trong nhiều năm qua có những nguồn tin chưa được xác minh về một số phần tử Hồi giáo có thể sống ở Afghanistan và được Taliban huấn luyện. Những báo cáo có vẻ có độ tin cậy lớn hơn cuối năm 2001 khi tiết lộ rằng một số người Uighur từ Tân Cương đã bị bắt ở Afghanistan. Các quan chức Trung Quốc cũng có những mối quan hệ chặt chẽ và ảnh hưởng ở Pakistan, nước trước đây đã từng hậu thuẫn chính quyền Taliban và nay là nước trọng yếu trong chiến dịch chống khủng bố do Mỹ lãnh đạo. Hơn nữa Bắc

Kinh còn là một thành viên tích cực trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải gồm 6 thành viên là Trung Quốc, Nga và các nước Hồi giáo Uzbekistan, Tajikistan, Kazakstan và Kyrgyzstan. Một phần trong mục tiêu của nhóm này là ngăn chặn các hoạt động khủng bố Hồi giáo chính thống trong khu vực.

Trước đây, Mỹ đã cảnh báo với các quan chức Trung Quốc không nên lợi dụng chiến dịch chống khủng bố để đàn áp bất đồng chính kiến hợp pháp của các nhóm Hồi giáo ở Trung Quốc. Ví dụ trong chuyến thăm Bắc Kinh tháng 12/2001, chuyên gia chống khủng bố hàng đầu của Bộ Ngoại giao ông Francis X.Taylor nói rằng Washington không tin những kẻ ly khai Hồi giáo ủng hộ một nước Đông Turkestan độc lập ở Trung Quốc là một bộ phận của mạng lưới chống khủng bố toàn cầu. Nhưng vào ngày 26/8/2002, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ đã thông báo rằng Mỹ đã xếp Phong trào Hồi giáo Đông Turkestan vào danh sách các nhóm khủng bố. Động thái bất ngờ này của Mỹ bị một số đồng minh của Mỹ ở châu Âu nghi ngờ. Ví dụ tờ Bưu điện Washington trích lời một nhà ngoại giao giấu tên nghi ngờ động thái này có vẻ như là một sự đổi chác nhằm giành được sự ủng hộ của CHND Trung Hoa trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đối với chiến dịch đánh Iraq của Mỹ. Ngày 28/8/2002, các quan chức Sứ quán Mỹ ở Bắc Kinh còn cho biết thêm có bằng chứng ETIM đang âm mưu đánh bom khủng bố Sứ quán Mỹ ở Bishkek, Kyrgyzstan. Ngày 11/9/2002, Liên Hợp Quốc thông báo rằng theo yêu cầu của cả Mỹ và Trung Quốc, Liên Hợp Quốc xếp ETIM vào danh sách các tổ chức khủng bố của Liên Hợp Quốc và yêu cầu tất cả các thành viên Liên Hợp Quốc phong tỏa tài chính của nhóm này và cấm các thành viên của nhóm nhập cảnh.

Các vấn đề khác trong quan hệ Trung - Mỹ

Người tị nạn Bắc Triều Tiên

Vào tháng 3/2002, dư luận quốc tế chú ý những người tị nạn Bắc Triều Tiên đang sống bất hợp pháp ở Trung Quốc. Trong nhiều trường hợp được biết đến rộng rãi, những người tị nạn này đã bắt đầu chạy vào các khu nhà ngoại giao của các nước ở Trung Quốc để xin tị nạn. Trong một số trường hợp, lực lượng an ninh Trung Quốc bị cáo buộc đã xâm nhập các khu nhà ngoại giao để đuổi những người này ra. Vào ngày 8/5/2002, cảnh sát Trung Quốc đã vào khu nhà của Lãnh sự quán Nhật Bản ở Shenyang để bắt hai người Bắc Triều Tiên xin tị nạn. Ngày 13/6/2002, các nhà ngoại giao Hàn Quốc đã xô xát với cảnh sát Trung Quốc khi họ bắt đi một người tị nạn Bắc Triều Tiên xin tị nạn. Sau khi bế tắc trong vài tuần với việc các quan chức CHND Trung Hoa yêu cầu trao trả những người tị nạn cho lực lượng an ninh Trung Quốc, Bắc Kinh đã thay đổi quyết định ngày 23/6/2002 và cho phép 26 người Bắc Triều Tiên sống trong các khu nhà ngoại giao của các nước được rời Trung Quốc đến Hàn Quốc.

Trước đây, CHND Trung Hoa thường không chú ý đến số đông người Bắc Triều Tiên sống bất hợp pháp ở Trung Quốc và chỉ thỉnh thoảng đàn áp họ. Nhưng những hành động gây phức tạp mới đây của người tị nạn Bắc Triều Tiên đều có liên quan tới Trung Quốc, một số chính phủ, Liên Hợp Quốc và cộng đồng quốc tế. Mỹ và các nước có văn phòng ngoại giao liên quan đến vụ việc gồm Canada, Nhật Bản và Hàn Quốc đã phản đối việc xâm nhập bằng vũ lực của Trung Quốc vào các khu nhà ngoại giao nước ngoài, coi đó là sự vi phạm trắng trợn Công ước Viên vì những người này đang chạy trốn thoát khỏi khó khăn kinh tế chứ không phải là sự đàn áp chính trị, Bắc Kinh phải tôn trọng những hiệp định hồi

hương ti nạn đã ký từ lâu với Bắc Triều Tiên và lực lượng an ninh Trung Quốc phải xin phép khi vào các khu nhà của chính phủ nước ngoài.

"Gặp gỡ thương đỉnh" Trung - Mỹ

Dù căng thẳng vẫn còn tiếp diễn nhưng Trung Quốc và Mỹ vẫn tăng cường nhiều hơn các cuộc viếng thăm và tiếp xúc cấp cao dưới Chính quyền Bush so với các Chính quyền Mỹ trước đó. Tháng 10/2001, Tổng thống Bush đã có chuyến viếng thăm đầu tiên tới Chủ tịch CHND Trung Hoa Giang Trạch Dân trong khuôn khổ cuộc họp cấp bộ trưởng Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) tổ chức tại Thượng Hải. Kết hợp với chuyến thăm Nhật Bản và Hàn Quốc năm 2002, Tổng thống Bush cũng đi thăm Trung Quốc và dừng chân ở Bắc Kinh ngày 21-22/2/2002. Như dự đoán, chuyến thăm 2002 không đạt được sự tiến bộ nào về việc thực thi "thỏa thuận tháng 11/2000", trong đó Trung Quốc cam kết với Chính quyền Clinton sẽ chấm dứt bán tên lửa cho các chính quyền bất ổn ở Trung Đông và Nam Á và sẽ xây dựng cơ chế kiểm soát xuất khẩu, Mỹ thì cam kết dỡ bỏ những lệnh cấm hiện nay đối với một số mặt hàng công nghệ xuất khẩu. Tuy nhiên vào ngày 25/8/2002, Bắc Kinh đã xuất bản "Những quy định về kiểm soát xuất khẩu tên lửa, các hạng mục liên quan đến tên lửa và công nghệ, danh mục kiểm soát". Có thể xem toàn văn quy định tại địa chỉ [<http://www.china-embassy.org/eng/33977.html>]. Tháng 4-5/2002, Phó Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, người vừa kế nhiệm Chủ tịch Giang Trạch Dân làm Tổng Bí thư tại Đại hội Đảng XVI, đã có chuyến viếng thăm đầu tiên tới Mỹ và hội đàm với Tổng thống Bush và một loạt các quan chức cao cấp khác của Mỹ. Ngày 25/10/2002, Chủ tịch Giang Trạch Dân đã có chuyến thăm cấp nhà nước tới Mỹ và hội đàm với Tổng thống Bush tại khu trại của Tổng thống ở Crawford, Texas. Cuộc gặp lúc đầu chỉ mang ý nghĩa tượng trưng nhưng sau đó trở thành kênh tham khảo song phương về chương trình vũ khí hạt nhân của Bắc Triều Tiên và về sự ủng hộ của Trung Quốc đối với nghị quyết của Liên Hợp Quốc lên án Iraq. (Xem thêm Báo cáo CRS RS21351 về *Hợp thương đỉnh Trung - Mỹ*, tháng 10/2002).

Các vấn đề nhân quyền

Vi phạm nhân quyền của CHND Trung Hoa luôn là một trong những điểm bất đồng thường xuyên và rõ ràng nhất trong quan hệ Trung - Mỹ kể từ sau cuộc đàm áp Quảng trường Thiên An Môn năm 1989. Theo Báo cáo Nhân quyền mới nhất của Bộ Ngoại giao Mỹ công bố ngày 4/3/2002, thành tích nhân quyền năm 2001 của CHND Trung Hoa vẫn rất nghèo nàn và chính phủ tiếp tục duy trì kiểm soát chặt chẽ các tổ chức tôn giáo, các cuộc nói chuyện chính trị và các xuất bản phẩm; các cơ quan bảo vệ pháp luật tiếp tục giết người mà không qua xét xử, tử hình sau khi xử chiếu lệ, tra tấn và thực hiện các hình phạt tàn bạo khác; tiếp tục thiếu chăm sóc y tế cần thiết, bắt bớ và giam giữ tùy tiện, tham nhũng trong bộ máy tư pháp, không xét xử công bằng và các hình thức can thiệp tùy tiện khác của cơ quan chức năng đối với tự do và quyền riêng tư cá nhân. Báo cáo này cũng chỉ ra những sai phạm và thiếu sót lớn trong Bộ luật Tố tụng Hình sự của Trung Quốc và nhấn mạnh rằng cơ quan tư pháp không hoạt động độc lập, đi ngược lại các quy định của Hiến pháp và tham nhũng "tràn lan" trong bộ máy tư pháp và cảnh sát ở Trung Quốc. Hơn nữa, báo cáo này cũng cho thấy chính phủ đang tiếp tục cố gắng khắc phục những yếu kém có hệ thống trong hệ thống pháp luật và xét xử, dư luận ngày càng tập trung vào những thiếu sót của hệ thống pháp lý và ngày càng có nhiều công dân khiếu nại thông qua tòa án và tận dụng những công cụ pháp lý mới hiện có.

Trước đây, chính phủ CHND Trung Hoa ký hai hiệp định quan trọng về nhân quyền đó là Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Kinh tế, Xã hội, và Văn hóa (27/10/1997) và Công ước Quốc tế về Quyền Chính trị và Dân sự (12/3/1998) và tuyên bố ngày 28/2/2001 rằng Trung Quốc sẽ phê chuẩn Công ước thứ nhất với một số bảo lưu. Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa yêu cầu các nước ký kết phải đảm bảo người dân được hưởng lương thực, y tế, nhà ở, giáo dục và yêu cầu các nước này đảm bảo cho công nhân quyền được bình công và thành lập công đoàn. Trong khi phê chuẩn hiệp định này, Trung Quốc có vẻ lập lờ về điều khoản lao động và nói rằng Trung Quốc sẽ giải quyết những vấn đề như thế "phù hợp với các điều khoản liên quan" trong Hiến pháp Trung Quốc. Công đoàn duy nhất được phép hoạt động ở Trung Quốc hiện chịu sự kiểm soát của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Các cuộc đàn áp tín ngưỡng tôn giáo. Trong những năm gần đây, CHND Trung Hoa đã tăng cường chiến dịch chống lại các nhóm tôn giáo độc lập bắt đầu từ năm 1999 khi báo chí Mỹ đưa tin rộng rãi về việc chính phủ đang bắt giữ những người hành đạo và phạt án tù họ rất nặng. Ngày 22/7/1999, chính phủ đã đặt ra ngoài vòng pháp luật giáo phái Pháp luân công, một phong trào tinh thần ở Trung Quốc kết hợp phương pháp thiền định của Phật giáo, Đạo giáo và một loạt các bài tập thể dục. Tờ *Nhân dân Nhật báo* số ra ngày 6/11/1999 cho rằng Pháp luân công là mối đe dọa lớn nhất đối với đất nước trong lịch sử suốt 50 năm qua. Kể từ đó, chính phủ đã tiếp tục bắt giữ các nhà lãnh đạo của Pháp luân công, kết án tù rất nặng và đóng cửa tất cả các cơ sở của giáo phái này. Sau sự kiện Pháp luân công này, vào ngày 30/10/1999, Đại hội Nhân dân Toàn quốc đã thông qua một nghị quyết đặt ngoài vòng pháp luật các giáo phái và môn phái tôn giáo ở Trung Quốc. Nghị quyết này không định nghĩa thế nào là giáo phái hay môn phái. Để bày tỏ rông rãi sự bất bình của mình, những người truyền bá Pháp luân công đã thường xuyên xâm nhập vào mạng lưới truyền hình cáp khu vực và phát các chương trình ủng hộ Pháp luân công. Ngày 25/9/2002, nhóm này đã thâm nhập vào hệ thống vệ tinh truyền hình quốc gia hàng đầu của Trung Quốc và phát đi những thông tin ủng hộ Pháp luân công trên khắp cả nước.

Các quan chức của CHND Trung Hoa cũng đã đàn áp tàn bạo mọi bất đồng quan điểm của các dân tộc thiểu số, đặc biệt ở Tây Tang và Khu Tự trị Tân Cương-Uighur nơi có nhiều người dân tộc Hồi giáo sinh sống. Tổ chức Ân xá Quốc tế đã đưa ra bản báo cáo tháng 4/1999 buộc tội Chính phủ Trung Quốc đã "vi phạm nhân quyền nghiêm trọng" ở Tân Cương, kể cả việc sử dụng rộng rãi hình thức tra tấn để hỏi cung, án tù nặng nề và tử hình. Tháng 8/1999, trong chuyến viếng thăm của một đoàn quan chức Quốc hội Mỹ đến Tân Cương, nữ doanh nhân Uighur giàu có và nổi tiếng Rebiya Kadeer đã bị lực lượng an ninh Trung Quốc bắt giữ khi đang trên đường tới dự cuộc gặp với một thành viên trong đoàn. Ngày 20/2/2002, 84 nghị sỹ đã ký vào một bức thư trình lên Tổng thống Bush thúc giục ông yêu cầu thả Kadeer trong chuyến công du chính thức của mình tới Trung Quốc.

Từ sau ngày 11/9/2001, các quan chức Trung Quốc đã tìm cách liên tục đàn áp các phần tử ly khai Uighur và Hồi giáo khác ở Tân Cương và gắn nó với với chiến dịch chống khủng bố toàn cầu. Ngày 12/10/2001, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc tuyên bố: "Chúng tôi hy vọng rằng cuộc chiến chống lực lượng Đông Turkestan (Tân Cương) của chúng tôi sẽ là một phần trong nỗ lực quốc tế chống khủng bố". Dù các quan chức Mỹ đã cảnh báo không nên lợi dụng chiến dịch chống khủng bố để đàn áp những người Uighur ly khai hay các nhóm thiểu số khác có bất đồng về chính trị chống lại Bắc Kinh nhưng chính phủ Mỹ có vẻ nhượng bộ Bắc Kinh vào ngày 26/8/2002 khi tuyên bố rằng

Mỹ xếp nhóm thiểu số Phong trào Hồi giáo Đông Turkestan vào danh sách các nhóm khủng bố của Mỹ.

Dữ liệu hội viên của các tổ chức tôn giáo ở Trung Quốc cho thấy con số tín đồ tôn giáo ở Trung Quốc tiếp tục tăng bất chấp những lệnh cấm nghiêm ngặt hơn được công bố năm 1994 về hành đạo. Một trong những lệnh cấm mới này cấm các hoạt động theo phái Phúc âm và yêu cầu tất cả các nhóm tôn giáo phải đăng ký với Văn phòng Các vấn đề Tôn giáo (Religious Affairs Bureau - RAB). Khi đăng ký các nhóm tôn giáo phải khai báo tên và địa chỉ của các thành viên, các quan hệ của họ ở Trung Quốc và ở nước ngoài và chi tiết về các hoạt động lãnh đạo và tài chính. Hơn nữa trong những năm gần đây, Trung Quốc đã thành lập một cơ quan trung ương "Văn phòng Ngăn chặn và Xử lý các môn phái". Các nhà quan sát cho rằng biện pháp này chủ yếu nhằm vào Pháp luân công nhưng nhiều người lo ngại có thể còn nhắm vào cả các nhà thờ Thiên Chúa giáo và các nhóm chủ đạo khác. Chính quyền Trung Quốc cũng đang tiến hành một chiến dịch mạnh mẽ chống lại cái gọi là những nhà thờ "không chính thức" hay "tại gia" và đó là những nhóm nhà thờ Thiên Chúa giáo có các thành viên không chịu đăng ký với RAB.

Nhà tù/Lao động trong nhà tù ở Trung Quốc. Nhà tù ở Trung Quốc bị chỉ trích vì điều kiện sinh hoạt, cách đối xử với tù nhân và những yêu cầu làm việc nghiêm ngặt. Đối với chính sách của Mỹ, vấn đề được quan tâm chính là các sản phẩm do tù nhân sản xuất lại được xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Nhập khẩu loại sản phẩm này là đã vi phạm Luật Hải quan của Mỹ ban hành năm 1890 theo Đạo luật Thuế quan McKinley (19 U.S.C., phần 1307); các hình phạt hình sự cũng được áp dụng theo Đạo luật 18 U.S.C., phần 1761 và 1762. Do quan ngại về sản phẩm xuất khẩu do tù nhân sản xuất nên Mỹ đã ký một biên bản ghi nhớ (MOU) với Trung Quốc về vấn đề này năm 1992. Kể từ đó luôn có những lời cáo buộc Trung Quốc không tuân thủ Hiệp định này.

Kế hoạch hóa gia đình/Phá thai cưỡng bức. Tranh luận gay gắt về viện trợ kế hoạch hóa gia đình của Mỹ chủ yếu xoay quanh các chương trình dân số của CHND Trung Hoa. Phá thai và mức độ phá thai cũng như triệt sản cưỡng bức trong các chương trình kế hoạch hóa gia đình của CHND Trung Hoa luôn là vấn đề nổi cộm trong các cuộc tranh luận này. Các quan chức CHND Trung Hoa thường không cho phép cưỡng ép trong các chương trình kế hoạch hóa gia đình quốc gia, nhưng họ cũng thừa nhận rằng một số quan chức cấp tỉnh và địa phương đã thực hiện chính sách cưỡng ép. Theo các điều khoản trong một số luật của Mỹ, viện trợ trực tiếp hay gián tiếp cho các hoạt động kế hoạch hóa gia đình cưỡng ép bị cấm. Ngoài ra luật trong những năm gần đây đã mở rộng hạn chế kể cả viện trợ của Mỹ đối với các chương trình kế hoạch hóa gia đình quốc tế và đa phương như Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) có chương trình ở Trung Quốc. Trong dự luật Ngân sách Hoạt động ở Nước ngoài năm tài khóa 2002 (P.L.107-115), Quốc hội đã chỉ "không quá" 34 triệu đô-la cho UNFPA. Chính quyền Bush đã phong tỏa những quỹ này vào tháng 1/2002 và khẳng định sự ép buộc vẫn còn ở các hạt có thực hiện các chương trình của UNFPA tại Trung Quốc. Dù phái đoàn đánh giá của Bộ Ngoại giao Mỹ sau đó phát hiện ra rằng UNFPA không ủng hộ việc cưỡng ép trong các chương trình kế hoạch hóa gia đình ở Trung Quốc nhưng ngày 22/7/2002, Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell tuyên bố vẫn giữ nguyên 34 triệu đô-la. (Xem IB96026, *Chương trình Gia đình của Mỹ và Viện trợ Dân số: Các vấn đề của Quốc hội*).

Tình trạng bất ổn trong lao động. Cải cách kinh tế và nhiều áp lực để làm ăn có lãi đối với các doanh nghiệp nhà nước đã dẫn đến tình trạng bất ổn trong lao động gia tăng ở

Trung Quốc. Trong năm 2002, công nhân bị sa thải và thất nghiệp ước tính hàng chục nghìn người đã biểu tình để phản đối mất việc làm, lương không đều và không đủ, thiếu mạng lưới an sinh xã hội và các quyết định của chính quyền địa phương đóng cửa, bán đứt hay tư nhân hóa các nhà máy quốc doanh thua lỗ. Bạo loạn trong công nhân là vấn đề rất nghiêm trọng đối với Bắc Kinh vì đây là chế độ được xây dựng dựa trên những quan niệm cộng sản về một thiên đường của công nhân. Bạo động lao động ngày càng tăng chắc chắn sẽ gây áp lực hơn đối với quyền lực và uy tín của Liên minh Công đoàn toàn Trung Hoa (ACFTU). Đây là tổ chức công đoàn duy nhất ở Trung Quốc đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Các ủy ban của Mỹ về Trung Quốc

Trong năm 2000, Quốc hội đã cho phép thành lập hai ủy ban tập trung vào các khía cạnh khác nhau trong quan hệ Trung - Mỹ.

Ủy ban chung giữa Quốc hội và Chính phủ về CHND Trung Hoa. Được xem là sự đánh đổi để thông qua đạo luật trao quy chế Quan hệ Thương mại Bình thường vĩnh viễn cho CHND Trung Hoa (P.L.106-286), một đạo luật bổ sung đã thành lập một cơ chế thường trực, đó là Ủy ban chung giữa Quốc hội và Chính phủ về CHND Trung Hoa để giám sát vấn đề nhân quyền ở CHND Trung Hoa. Với sự tham gia của cả Thượng lưỡng Hợ nghị sỹ và những nhân vật do Tổng thống bổ nhiệm, chức chủ tịch Ủy ban luân phiên giữa Thượng viện (Quốc hội số lẻ) và Hạ viện (Quốc hội số chẵn). Các thành viên gồm (thuộc Thượng viện): Max Baucus (Chủ tịch), Carl Levin, Dianne Feinstein, Byron Dorgan, Evan Bayh, Chuck Hagel, Bob Smith, Gordon Smith, Sam Brownback, và Tim Hutchinson; và (Hạ viện): Doug Bereuter (Đồng chủ tịch), Jim Leach, David Dreier, Frank Wolf, Joe Pitts, Sander Levin, Marci Kaptur, Nancy Pelosi, và Jim Davis. Những người do Tổng thống bổ nhiệm gồm: Paula Dobriansky (Vụ trưởng Ngoại giao về Các vấn đề Toàn cầu), Lorne Craner (Phó trợ lý Ngoại trưởng về Nhân quyền và Lao động), Jim Kelly (Phó trợ lý Ngoại trưởng về Đông Á và Thái Bình Dương), Grant Aldonas (Vụ trưởng Bộ Thương mại về Thương mại Quốc tế), và D. Cameron Findlay (Thứ trưởng Bộ Lao động). Vì nhiều lý do kể cả các cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9 nên Ủy ban này chậm đi vào hoạt động và năm 2001 không có hoạt động gì. Ủy ban này sẽ soạn thảo báo cáo đầu tiên vào ngày 2/10/2002.

Ủy ban Tổng kết An ninh Trung - Mỹ. Ủy ban gồm 12 thành viên này thường được gọi đơn giản là Ủy ban Trung - Mỹ và được thành lập năm 2000 theo Đạo luật Quyền lực Quốc phòng Floyd D.Spence năm tài khóa 2001 (P.L.106-398) nhằm tổng kết những tác động về an ninh của mối quan hệ kinh tế và thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc. Các ủy viên là các cá nhân do Thượng viện và Hạ viện bổ nhiệm. Ngày 15/7/2002, với một ý kiến bất đồng, Ủy ban đã đệ trình bản báo cáo hàng năm đầu tiên lên Quốc hội dưới cả dạng mật và không mật. Bản báo cáo không mật dài 209 trang có nhan đề "Hệ lụy An ninh Quốc gia của Mối quan hệ Kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc" đánh giá các khía cạnh khác nhau của quan hệ Trung - Mỹ và đưa ra hơn 40 khuyến nghị cho Quốc hội và các nhà hoạch định chính sách Mỹ để khắc phục những cái mà họ cho là thiếu sót và yếu kém trong chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc. Có thể đọc toàn văn báo cáo tại trang web của Ủy ban tại địa chỉ: <http://www.uscc.gov/anrp.htm>.

Những vấn đề trong Quan hệ An ninh Trung Mỹ

Quan hệ quân sự Trung - Mỹ trước đây từng là một trong những nội dung cốt lõi của quan hệ hai nước nhưng nay vẫn chưa hoàn toàn trở lại bình thường sau khi bị gián đoạn do vụ đàn áp ở Quảng trường Thiên An Môn năm 1989. Cả hai nước thận trọng nhất trí nối lại tiếp xúc quân sự sau cuộc họp thượng đỉnh Mỹ-Trung tháng 10/1997 và tuyên bố rằng họ đã đồng ý ký kết Hiệp định Tham vấn Hàng hải Quân sự (Military Maritime Consultative Agreement - MMCA) nhằm giảm khả năng đụng độ hay hiểu nhầm trên biển. Nhưng những nỗ lực nhằm khôi phục mối quan hệ quân sự đã thường xuyên vấp phải những trở ngại. Tháng 3/2001, một tàu tuần dương có tên lửa định vị đã ghé thăm thiện chí cảng Thuận Hải. Nhưng vào ngày 1/4/2001, một chiến đấu cơ F8 của CHND Trung Hoa đã đâm vào máy bay do thám EP-3 của Hải quân Mỹ trên Biển Nam Trung Hoa, làm thiệt mạng một phi công Trung Quốc và buộc máy bay này phải hạ cánh khẩn cấp xuống đảo Hải Nam. Tháng 5/2001, một tuyên bố được cho là của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donald H. Rumsfeld đã nói rằng Mỹ tạm thời cắt đứt quan hệ quân sự với quân đội Trung Quốc cho đến khi có thông báo mới. Tuy nhiên vài giờ sau, người phát ngôn của Lầu Năm Góc nói tuyên bố trên là một sự nhầm lẫn và Lầu Năm Góc sẽ đánh giá và chấp thuận quan hệ quân sự Trung - Mỹ trong tương lai trên cơ sở theo từng vụ việc. Tháng 6/2002, Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ phụ trách các vấn đề an ninh quốc tế Peter Rodman đã hội đàm với các nhà ngoại giao và quan chức quân sự cao cấp ở Bắc Kinh, gồm các ông Xiong Guangkai, Phó Tổng tham mưu trưởng trưởng liên quân, Trì Hạo Điền, Bộ trưởng Quốc phòng và Li Zhaoxing, Thứ trưởng Ngoại giao.

Báo cáo năm 2002 của Lầu Năm Góc về sức mạnh quân sự của Trung Quốc.

Vào ngày 12/7/2002, Lầu Năm Góc đã công bố "Báo cáo thường niên về sức mạnh quân sự của CHND Trung Hoa" do Quốc hội ủy quyền trong Phần 1202 của Đạo luật Quyền lực Quốc phòng năm tài khóa 2000, P.L.106-65. Bản báo cáo dài 52 trang này kết luận: Lầu Năm Góc nhận thấy Trung Quốc nhẫn mạnh hơn vào các quyết định hiện đại hóa quân sự có vẻ như nhầm vào Đài Loan; chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc cao hơn nhiều so với con số 20 tỷ đô-la mà Chính phủ Trung Quốc công bố chính thức; và ngân sách quân sự hàng năm của Bắc Kinh có thể tăng đáng kể cho đến năm 2020. Có thể xem toàn văn báo cáo tại trang web http://www.defenselink.mil/news/Jul2002/d20020712_china.pdf.

Đánh giá Tình báo Quốc gia của Mỹ năm 2002. Ngày 9/1/2002, CIA đã công bố bản tóm tắt không mật về Đánh giá Tình báo Quốc gia của Mỹ năm 2002 (NIE) có tên *Phát triển Tên lửa ở nước ngoài và Mối đe dọa Tên lửa Đạn đạo đến năm 2015*. Theo báo cáo này, dự tính CHND Trung Hoa sẽ có đến 100 tên lửa hạt nhân tầm xa đặt trên nhiều bệ phóng cơ động và nhầm vào Mỹ năm 2015. Hiện nay CHND Trung Hoa có khoảng 20 hầm tên lửa cố định chứa các tên lửa hạt nhân có khả năng bắn tới Mỹ. Báo cáo khẳng định rằng Trung Quốc đang nâng cấp lực lượng tên lửa do lo ngại rằng hệ thống phòng thủ tên lửa của Mỹ nếu được xây dựng và triển khai có thể vô hiệu hóa hiệu quả công cụ ngăn chặn hạt nhân hiện nay của CHND Trung Hoa.

Sách trắng "Quốc phòng Trung Quốc năm 2000". Ngày 16/10/2000, Trung Quốc đã xuất bản cuốn sách trắng thứ ba về an ninh quốc gia có nhan đề "Quốc phòng năm 2000". Theo các nguồn tin, tài liệu này cho biết chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc năm 2000 là 121,29 tỷ nhân dân tệ tương đương khoảng 14,65 tỷ đô-la. Trong phần trình bày quan điểm về tình hình an ninh quốc tế hiện nay, sách trắng tuyên bố có "những diễn biến tiêu

cực mới trong tình hình an ninh" ở khu vực. Nhiều diễn biến này do hành động của Mỹ gây ra, kể cả sự hiện diện quân sự của Mỹ ở khu vực, Mỹ tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan và Quốc hội thứ 106 xem xét Đạo luật Tăng cường An ninh Đài Loan, xem xét việc phát triển hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường và sửa đổi Định hướng Hợp tác Phòng thủ Mỹ - Nhật. Hơn nữa, sách trắng cũng chỉ ra tình hình không chắc chắn trên Bán đảo Triều Tiên, tình hình ở Nam Á và cái mà tài liệu này gọi là "những xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc" trên Biển Nam Trung Hoa.

Phổ biến vũ khí hạt nhân. Kể cả trước sự kiện 11/9, vấn đề an ninh chính đối với Mỹ đã là việc Trung Quốc bán vũ khí, chuyển giao công nghệ và trợ giúp năng lượng hạt nhân đặc biệt cho Iran và Pakistan. Các quan chức Chính quyền Clinton cho rằng Trung Quốc đang đánh giá lại chính sách bán vũ khí của mình. Lý do họ đưa ra là năm 1992 CHND Trung Hoa cam kết tuân thủ Cơ chế Kiểm soát Công nghệ Tên lửa (Missile Technology Cointl Regim - MTCR) và Hiệp ước Không phổ biến Hạt nhân (Non-Proliferation Treaty - NPT); năm 1993 ký Công ước Vũ khí Hóa học (Chemical Weapons Convention - CWC); năm 1996 ký Hiệp ước Cấm thử Hạt nhân Toàn diện; và năm 1997 tham gia Uỷ ban Zangger của các nước xuất khẩu trong NPT.

Tuy nhiên Quốc hội chỉ trích sự sai lầm khi tin vào chính sách không phổ biến hạt nhân của Trung Quốc. Họ chỉ ra rằng trong nhiều năm qua, các nguồn tin tin cậy đã cho thấy Trung Quốc đang bán tên lửa đạn đạo và công nghệ sản xuất vũ khí hủy diệt hàng loạt trên thị trường quốc tế, đặc biệt là ở Trung Đông. Dù những cáo buộc này luôn gây ra những rắc rối trong quan hệ Mỹ - Trung nhưng vấn đề này trở nên nghiêm trọng hơn sau vụ thử vũ khí hạt nhân của Pakistan tháng 5/1998 nhằm đáp lại các vụ thử vũ khí hạt

nhân trước đó của Ấn Độ (ngày 11 và 28/5/1998). Các nhà chỉ trích coi những vụ thử của Pakistan là bằng chứng về sự viện trợ của Trung Quốc. Một số nhà quan sát ở Mỹ lo ngại về sự an toàn của vũ khí hạt nhân ở Pakistan rất dễ bị đánh cắp hay đem bán bởi các phần tử Hồi giáo cực đoan có liên hệ với Osama bin Laden và các nhóm khủng bố khác. Iran cũng đã mua vũ khí của Trung Quốc gồm một số tên lửa đất đối không SA-2, máy bay chiến đấu F-7, tàu tuần tiễu tấn công nhanh, và tên lửa hành trình phá tàu thủy C-802. Một số nghị sỹ đã nghi vấn liệu Iran sở hữu C-802 có vi phạm Đạo luật Không phổ biến Vũ khí Iran-Iraq năm 1992 (U.S.C. 1701) quy định trừng phạt những nước bán vũ khí gây bất ổn định cho Iran hay Iraq.

Những cáo buộc về hoạt động gián điệp. Cuối thập niên 90, đài báo Mỹ bắt đầu đưa tin về các cuộc điều tra 4 vụ cáo buộc CHND Trung Hoa hoạt động gián điệp chống Mỹ có từ những năm 80. Vụ nghiêm trọng nhất là việc Trung Quốc bị cáo buộc thu thập thông tin quan trọng về W-88, loại đầu đạn hạt nhân thu nhỏ hiện đại nhất của Mỹ, do những sai phạm nghiêm trọng về an ninh tại phòng thí nghiệm khoa học hạt nhân Los Alamos từ năm 1984 đến 1988. Cuối tháng 4/1999, Thời báo New York đưa tin một nhà khoa học Mỹ gốc Hoa sinh ở Đài Loan Wen Ho Lee có thể đã tải về mã số vũ khí hạt nhân quan trọng hay còn gọi là "mã số di sản" từ một hệ thống máy tính bảo mật ở Los Alamos sang một hệ thống máy tính không bảo mật mà ai cũng có thể đọc được nếu gõ đúng mật khẩu. Ông Lee bị sa thải và kết tội 59 điểm do sử dụng sai phạm dữ liệu hạt nhân. Ông chỉ nhận tội 1 điểm và bác bỏ các điểm khác. Ngày 12/12/2001, Bộ Tư pháp Mỹ đã tuyên bố cuộc điều tra của FBI về vụ ông Lee là "sai lầm nghiêm trọng và cơ bản".

Cáo buộc về các kế hoạch tấn công qua mạng. Theo bài báo ngày 25/4/2002 trên Thời báo Los Angeles, một bản đánh giá của CIA đã kết luận rằng Quân đội Trung Quốc đang tích cực xây dựng kế hoạch tấn công và phá hoại hệ thống máy tính của Mỹ. Theo tờ báo này, báo cáo của CIA cho rằng "mục đích dự định" của những kế hoạch này là gây thiệt hại lớn cho hệ thống máy tính của Mỹ và Đài Loan. Tạp chí Times trích lời một quan chức tình báo Mỹ cho rằng Bắc Kinh đang "tích cực xây dựng khả năng chiến tranh qua mạng của mình". Một quan chức khoa học và công nghệ ở Sứ quán Trung Quốc tại Washington đã bác bỏ lời cáo buộc này.

Các vấn đề kinh tế

Trung Quốc là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới và các nhà phân tích thương mại nhất trí rằng thị trường tiềm năng này sẽ tăng đáng kể trong thời gian tới. Những vấn đề liên quan đến thương mại với Trung Quốc đã tác động mạnh tới các cuộc tranh luận về chính sách ở Mỹ. Từ 1991-1996, xuất khẩu của Mỹ sang Trung Quốc tăng 90.5%, trong khi đó nhập khẩu của Mỹ từ Trung Quốc tăng 171.4%. Thâm hụt thương mại của Mỹ với Trung Quốc cũng tăng theo từ 17,8 tỷ đô-la năm 1989 lên 100,1 tỷ đô-la năm 2000. (Xem Báo cáo vấn đề CRS IB91121 về *Các vấn đề Thương mại Trung - Mỹ*).

Các vấn đề kinh tế luôn là lý do gây căng thẳng trong quan hệ Trung - Mỹ. Các cuộc tranh luận này tập trung vào việc Trung Quốc không bảo vệ hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ của Mỹ, thiếu những quy định thương mại minh bạch và mức thuế quá cao. Tại cuộc họp thượng đỉnh tháng 10/1997, Tổng thống Clinton và Chủ tịch Giang đã nhất trí tăng cường đối thoại về việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), quá trình gia nhập này bắt đầu từ năm 1986 khi Bắc Kinh bắt đầu đàm phán gia nhập cơ chế tiền thân của WTO là Hiệp định chung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT). Việc không đạt được thỏa thuận về một hiệp định WTO trong chuyến thăm tháng 4/1999 của Thủ tướng Chu Dung Cơ đã khiến nhiều người kết luận rằng cơ hội giải quyết các vấn đề thương mại và Trung Quốc gia nhập WTO đã bị tuột mất trong tương lai gần. Nhưng ngày 17/9/2001, các thành viên của WTO đã bỏ phiếu chấp thuận Trung Quốc gia nhập. Trung Quốc chính thức gia nhập WTO ngày 11/12/2001.

Quy chế Quan hệ Thương mại Bình thường (NTR)/ Tối huệ quốc (MFN). Nhằm xóa bỏ quy trình thường niên gia hạn quy chế thương mại cho Trung Quốc, Quốc hội thứ 106 đã ban hành đạo luật H.R.4444 (P.L.106-286) trao NTR cho CHND Trung Hoa vĩnh viễn sau khi gia nhập WTO. Trung Quốc chính thức gia nhập WTO ngày 11/12/2001 và ngày 1/1/2002, Trung Quốc chính thức được nhận quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn từ Mỹ. Động thái này xóa bỏ cuộc tranh luận gay gắt hàng năm ở Mỹ về gia hạn NTR cho Trung Quốc mà theo đó Tổng thống hàng năm đến ngày 3/6 phải đề nghị Quốc hội gia hạn quyền lực của mình để xóa bỏ những hạn chế đối với tư cách được hưởng NTR của Trung Quốc. (Cách gọi MFN của Mỹ được đổi thành "Quan hệ thương mại bình thường" hay NTR theo đạo luật P.L.105-206, ban hành năm 1998).

Các vấn đề chủ quyền: Đài Loan, Tây Tạng, Hồng Kông

Đài Loan. Đài Loan vẫn là vấn đề phức tạp và nhạy cảm nhất trong quan hệ Trung - Mỹ. Bắc Kinh vẫn chưa từ bỏ việc sử dụng vũ lực nếu Đài Loan tuyên bố độc lập khỏi Trung

Quốc và các quan chức Trung Quốc thường xuyên ngăn chặn những nỗ lực của Đài Loan nhằm được quốc tế công nhận rộng rãi hơn. Đồng thời, các quan chức ở Đài Loan đang vận động để có vị thế quốc tế lớn hơn và được độc lập tham gia vào các thể chế đa phương. Từ 1978, khi Mỹ phải cắt đứt quan hệ với Đài Loan để bình thường hóa quan hệ với Bắc Kinh, chính sách của Mỹ với Đài Loan đã được hình thành dựa trên ba thông cáo Trung - Mỹ và Đạo luật Quan hệ với Đài Loan (P.L.96-8). (Xem Báo cáo vấn đề CRS IB98034 Đài Loan: *Những diễn biến gần đây và Những lựa chọn chính sách của Mỹ*).

Chính sách của Chính quyền Bush. Nhiều nhà quan sát cho rằng Chính quyền Bush đã từ bỏ chính sách truyền thống của Mỹ "mơ hồ chiến lược" về Đài Loan chuyển sang chính sách rõ ràng hơn nhấn mạnh lợi ích của Đài Loan và giảm bớt chú trọng quan ngại của CHND Trung Hoa. Ví dụ ngày 25/4/2001, trong một cuộc phỏng vấn của đài truyền hình ABC, Tổng thống Bush đã trả lời một câu hỏi về khả năng phản ứng của Mỹ nếu Đài Loan bị tấn công và nói rằng Mỹ sẽ "làm bất cứ gì để giúp Đài Loan tự vệ". Vì Mỹ không có liên minh phòng thủ nào với Đài Loan và chưa bao giờ cam kết sử dụng quân đội Mỹ để bảo vệ hòn đảo này nên câu trả lời của Tổng thống đã gây ra nhiều tranh cãi về việc liệu Mỹ đã thay đổi chính sách đối với an ninh Đài Loan chưa hay đang từ bỏ những tuyên bố "một Trung Quốc" của mình. Dù các quan chức Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao kể cả Tổng thống Bush sau đó khẳng định rằng không có sự thay đổi nào trong chính sách của Mỹ đối với Đài Loan, rằng tuyên bố ngày 25/4 của Tổng thống là phù hợp với các cam kết của Mỹ trong Đạo luật Quan hệ với Đài Loan nhưng những tuyên bố và hành động sau đó của các quan chức Chính quyền Bush được cho là thân thiện và ủng hộ Đài Loan hơn các Chính quyền Mỹ trước đó.

Các tuyên bố Chính sách năm 2002 của Tổng thống Đài Loan. Như người tiền nhiệm của mình, Tổng thống hiện nay của Đài Loan ông Trần Thụy Biển đã có những tuyên bố gây tranh cãi với Bắc Kinh rằng Đài Loan đang tiến gần tới những khát khao giành độc lập. Không có vấn đề nào khiến các nhà lãnh đạo CHND Trung Hoa nhất trí và lên tiếng mạnh mẽ hơn lập trường nhất quán từ lâu rằng Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc chứ không phải là một nước riêng biệt. Các tuyên bố của Tổng thống Trần đã làm nóng lên quan hệ Trung - Mỹ - Đài và có thể gây ra những tác động chính sách toàn cầu lâu dài. Ngày 21/7/2002, ông Trần nói rằng nếu Bắc Kinh tiếp tục bác bỏ đề nghị đàm phán của Đài Loan thì Đài Loan "sẽ không loại trừ việc tự mình đi theo con đường của mình", đây được coi là lời ngụ ý độc lập. Ngày 3/8/2002, trong bài diễn văn trên truyền hình ở Tokyo trước Hiệp hội Thế giới các Hội Đài Loan, ông Trần còn mô tả tình hình trên Eo biển Đài Loan là "mỗi bên, mỗi nước" càng cho thấy rằng ông ủng hộ một cuộc trưng cầu dân ý toàn quốc ở Đài Loan về tương lai của Đài Loan, và đó là điều mà Bắc Kinh đã kịch liệt phản đối. Các nhà chỉ trích ở Bắc Kinh nói rằng điều này đi ngược lại cam kết ngày nhậm chức của ông Trần (20/5/2001) không tổ chức trưng cầu dân ý nếu Trung Quốc không có ý định dùng quân sự để chống lại Đài Loan.

Các chuyến thăm Mỹ của các quan chức Đài Loan. Do Mỹ không có quan hệ chính thức với Đài Loan nên các quan chức CHND Trung Hoa lập luận rằng Mỹ không được tiếp đón bất kỳ một quan chức cao cấp nào của chính phủ Đài Loan. Nhận thức được sự nhạy cảm của CHND Trung Hoa về vấn đề này, các quan chức Mỹ nhiều năm qua vẫn không sẵn sàng cấp thị thực cho các quan chức cao cấp của Đài Loan thăm Mỹ. Điều này thay đổi nhanh chóng ngày 22/5/1995 khi Tổng thống Clinton do chịu áp lực lớn của Quốc hội đã quyết định cho phép Tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy thăm Mỹ nhưng với tư cách cá nhân chứ không phải là quan chức đại diện cho Đài Loan. Trái với các chính quyền trước,

Chính quyền George W. Bush thỏa hiệp hơn khi cấp thị thực hạn chế cho các quan chức cao cấp Đài Loan. Năm 2001, Tổng thống mới của Đài Loan ông Trần Thụy Biển được phép quá cảnh thành phố New York và Houston trên đường đến Nam Mỹ. Phó Tổng thống Đài Loan Annette Lu cũng được quá cảnh ở New York đầu tháng 1/2002. Gần đây hơn từ 9-12/3/2002, các quan chức Mỹ đã cho phép Bộ trưởng Quốc phòng Đài Loan Tang Yao-ming tham gia một hội nghị quốc phòng ở Florida và tại đây, ông đã hội đàm với Thứ trưởng Quốc phòng Paul Wolfowitz và Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ James Kelly.

Chính sách "Ba Không". Trong chuyến thăm cấp nguyên thủ tới Trung Quốc tháng 6/1998, Tổng thống Clinton đã có một tuyên bố gây tranh cãi về Đài Loan mà theo một số người cho là sự thay đổi chính sách của Mỹ. Để đáp lại, cả Hạ và Thượng viện Quốc hội khóa 105 đã thông qua nghị quyết H.Con.Res.301 và S.Con.Res. 107 tái khẳng định chính sách của Mỹ với Đài Loan. Tuyên bố của Tổng thống Clinton được đưa ra để trả lời một câu hỏi trong cuộc thảo luận bàn tròn ở Thượng Hải ngày 30/6/1998. Theo văn bản của Nhà Trắng, Tổng thống nói:

Tôi có cơ hội nhắc lại chính sách Đài Loan của chúng tôi rằng chúng tôi không ủng hộ độc lập cho Đài Loan hay hai Trung Quốc hay một Đài Loan, một Trung Quốc. Và chúng tôi không cho rằng Đài Loan nên là một thành viên của bất kỳ tổ chức nào yêu cầu tư cách quốc gia thành viên. Vì vậy, tôi nghĩ là chúng tôi có chính sách nhất quán.

Những diễn biến chính trị ở Đài Loan. Bối cảnh chính trị ở Đài Loan đang chứng kiến những thay đổi sâu sắc có thể có những hệ lụy sâu rộng đối với chính sách của Mỹ.

Trong các cuộc bầu cử ngày 1/12/2001, Đảng Dân tộc Đài Loan (KMT) mất đa số trong quốc hội lần đầu tiên trong 50 năm qua từ 123 ghế còn 68 ghế. Do đó, Đảng Tiến bộ Dân chủ (DPP) chiếm được số ghế lớn nhất trong quốc hội là 87 ghế, đây là đảng ủng hộ độc lập bị Bắc Kinh phản đối kịch liệt. Cuộc bầu cử quốc hội tháng 12/2001 theo sau cuộc bầu cử tổng thống lịch sử ở Đài Loan ngày 18/3/2000 khi cử tri Đài Loan lần thứ hai đi bầu một tổng thống của quốc gia. Đảng Dân tộc cầm quyền bị thất bại nặng nề và cử tri bầu thành viên của Đảng DPP Trần Thụy Biển và bầu ra cơ quan hành pháp đầu tiên thuộc Đảng DPP. Tuy nhiên, cuộc bầu cử quốc hội tháng 12 không có nghĩa quốc hội sẽ ủng hộ hơn chính sách của Tổng thống Trần, những chính sách mà cho đến năm 2001 vẫn bị nhóm do Đảng Dân tộc kiểm soát bác bỏ. Thay vào đó, những đảng thiểu số không thuộc DPP có thể thống nhất thành một liên minh mong manh tiếp tục có ảnh hưởng lớn đến chương trình nghị sự của Đài Loan. (Xem Báo cáo CRS RS21093 *Kết quả cuộc bầu cử tháng 12/2001 của Đài Loan*).

Đối thoại Trung - Đài. Các cuộc hội đàm chính thức giữa Đài Loan và Trung Quốc luôn rất khó hiểu, diễn ra gần đây nhất vào tháng 10/1998 khi ông Cố Chấn Phủ, Chủ tịch Quỹ Giao lưu Eo biển Đài Loan (SEF) và Vương Đạo Hán, Chủ tịch Hiệp hội Quan hệ qua Eo biển Đài Loan của Trung Quốc (ARATS) đã họp tại Thượng Hải. Trong buổi họp này, hai ông đồng ý nối lại thảo luận thường kỳ và sắp xếp một chuyến viếng thăm đáp lại của ông Vương đến Đài Loan. Tuy nhiên tiến bộ tiến tới các cuộc hội đàm khác bị ngưng lại khi Tổng thống Đài Loan lúc đó là ông Lý Đăng Huy trả lời phỏng vấn trên đài tháng 7/1999 nói rằng hội đàm qua eo biển trong tương lai dự kiến nối lại tháng 10/1999 nên được tiến hành trên "cơ sở đặc biệt giữa nhà nước với nhà nước". Bắc Kinh đã phản đối tuyên bố này kịch liệt và coi đây là sự từ bỏ nghiêm trọng chính sách "một Trung Quốc" trước đó của Đài Loan. Đảng ủng hộ độc lập DPP hiện đang cầm quyền đã không theo đuổi chính sách

độc lập trước đó cho Đài Loan. Ví dụ đầu tháng 1/2001, Tổng thống Trần tuyên bố rằng ông sẽ thiết lập liên kết trực tiếp giữa Trung Quốc và các đảo xa bờ của Đài Loan như Matsu và Quemoy và đây là một biện pháp tuy nhỏ nhưng rất quan trọng để có thêm các mối liên hệ khác. Quan hệ qua eo cũng đang diễn ra ngày càng nhiều giữa các đại diện doanh nghiệp của đại lục và Đài Loan và tháng 6/2002, ba đoàn nghị sỹ Đài Loan đã thăm và hội đàm ở Bắc Kinh. Nhưng triển vọng về sớm nối lại hội đàm qua eo có vẻ vẫn rất ít.

Tây Tạng. Chính phủ Mỹ công nhận Tây Tạng là bộ phận của Trung Quốc và luôn tuân thủ như thế dù một số người nghi ngờ tính nhất quán trong lập trường của Mỹ trong quá khứ. Từ khi bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc năm 1979, cả Chính quyền Cộng hòa và Dân chủ Mỹ đều đã cố gắng giảm nguy cơ căng thẳng với Bắc Kinh về những vấn đề nhạy cảm như vấn đề địa vị chính trị của Tây Tạng. Nhưng vị lãnh đạo tinh thần lưu vong của Tây Tạng Đạtlai Lạtma từ lâu được nhiều nghị sỹ Mỹ ủng hộ và tiếp tục gây áp lực với Nhà Trắng để bảo vệ văn hóa Tây Tạng và nâng cao địa vị của Tây Tạng trong luật pháp của Mỹ. Do áp lực này của Quốc hội mà Tổng thống Bush cha, Bill Clinton và Bush con đều đã hội đàm với Đạtlai Lạtma ở Mỹ, những cuộc gặp này cố tình tránh không ôn ào nhưng vẫn làm cho các nhà lãnh đạo Trung Quốc bất bình. Do sự thúc ép của Quốc hội trong những năm gần đây nên Chính quyền Clinton vào ngày 31/10/1997 đã tuyên bố sẽ bổ nhiệm một Điều phối viên Đặc biệt về vấn đề Tây Tạng thuộc Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ chính là khuyến khích đối thoại giữa Bắc Kinh và Đạtlai Lạtma. Điều phối viên đặc biệt hiện nay là Paula Dobriansky, Trợ lý Ngoại trưởng về các vấn đề toàn cầu.

Các hướng chính sách của Mỹ

Từ năm 1989, giới hoạch định chính sách Trung- Mỹ của Mỹ thường chia làm ba nhóm. Nhóm thứ nhất là nhóm ôn hoà, "can dự" và có quan điểm ít đổi đàu hơn đối với CHND Trung Hoa và đây là chính sách của Chính quyền Bush cha và Clinton. Một số người ủng hộ chính sách này nhận thấy những yếu kém cơ bản của CHND Trung Hoa và họ kêu gọi ôn hòa vì sợ rằng nếu làm ngược lại có thể tăng chia rẽ và dẫn đến tan rã CHND Trung Hoa, gây ra những hậu quả khủng khiếp về chính sách đối với lợi ích của Mỹ. Những người khác ấn tượng với sức mạnh quốc gia và kinh tế đang tăng lên của CHND Trung Hoa và những cơ hội cho Mỹ và giới doanh nhân Mỹ. Họ thúc đẩy can dự chặt chẽ hơn của Mỹ với Trung Quốc và đây là cách phù hợp nhất để hướng cường quốc mới nổi lên này có những hành động quốc tế phù hợp với lợi ích của Mỹ.

Đối với một số người, nhấn mạnh chính sách này tức là tin rằng những xu hướng ở Trung Quốc đang diễn ra rất "đúng hướng". Đó là CHND Trung Hoa đang trở nên ngày càng phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế với các nước láng giềng và các nước phát triển phương Tây và do đó sẽ ngày càng khó có thể có những hành động rắc rối làm phá vỡ quan hệ kinh tế quốc tế đang suôn sẻ này. Họ so sánh hành vi này với hành vi của những nước gây rối như Iraq hay Afghanistan, những nước không thuộc hệ thống quốc tế và có thể ủng hộ khủng bố toàn cầu tấn công nước Mỹ ngày 11/9/2001. Một số người cũng cho rằng sự thịnh vượng hơn của CHND Trung Hoa sẽ thúc đẩy xã hội Trung Quốc theo hướng hình thành một dân số khấm khá hơn, có học thức hơn và giao lưu rộng hơn và dần dần sẽ thúc đẩy chính phủ phải tăng cường đa nguyên chính trị và dân chủ. Do đó theo quan điểm này, chính sách của Mỹ nên hợp tác chặt chẽ hơn với Trung Quốc để khuyến khích những xu hướng dài hạn tích cực này.

Hướng chính sách thứ hai được Chính quyền Bush hiện nay ủng hộ ít mang tính thỏa hiệp hơn đối với những lo ngại của Bắc Kinh. Theo hướng này, thay vì cố gắng thuyết phục Bắc Kinh về lợi ích của hợp tác quốc tế, Mỹ nên nên duy trì quân đội làm đối trọng với sức mạnh đang lên của CHND Trung Hoa ở châu Á; tiếp tục cứng rắn trong xử lý các tranh chấp kinh tế, phổ biến vũ khí và các tranh chấp khác với Trung Quốc; và hợp tác chặt chẽ với các đồng minh, bạn bè truyền thống của Mỹ trong khu vực để xử lý bất kỳ hành động hung hăng hay gây rối đáng ngờ nào của Bắc Kinh.

Những người ủng hộ chính sách này nhấn mạnh rằng các quan chức của Bắc Kinh vẫn xem thế giới này là môi trường cạnh tranh giữa các quốc gia, nơi mà quyền lực được tôn trọng và sự tuỳ thuộc lẫn nhau không có ý nghĩa lầm. Các nhà lãnh đạo CHND Trung Hoa được cho là quyết tâm sử dụng mọi công cụ sẵn có để nâng cao sự thịnh vượng và quyền lực của đất nước. Họ cho rằng các nhà lãnh đạo CHND Trung Hoa có thể sử dụng chiến thuật chờ thời và tuân thủ những quy tắc quốc tế cho đến khi Trung Quốc có được sức mạnh kinh tế và có thể có các hành động đơn phương hơn. Lập luận này tiếp tục cho rằng một khi đã thành công trong hiện đại hóa kinh tế, Bắc Kinh sẽ không còn kiềm chế tham vọng dân tộc hẹp hòi và các tham vọng khác do những hạn chế quốc tế hay sự nhạy cảm.

Hướng chính sách thứ ba mang tính đối đầu hơn dựa trên quan niệm rằng hệ thống chính trị của Trung Quốc cần thay đổi triệt để trước khi Mỹ có hy vọng quan hệ mang tính xây dựng với CHND Trung Hoa. Theo hướng này, các nhà lãnh đạo cộng sản Bắc Kinh về bản chất không thể duy trì được quan hệ tích cực lâu dài với Mỹ. Thay vào đó, Bắc Kinh tìm cách làm xói mòn sức mạnh của Mỹ và trang bị vũ khí cho kẻ thù của Mỹ trong khu vực.

Dù tuyên bố ủng hộ chiến dịch chống khủng bố của Mỹ nhưng theo quan điểm này thì việc CHND Trung Hoa luôn vi phạm cam kết không phổ biến vũ khí đã thực sự góp phần vào làm mạnh lên và trang bị vũ khí cho các nước chưa chấp bọn khủng bố toàn cầu. Chính sách của Mỹ nên tập trung vào các cơ chế thay đổi CHND Trung Hoa từ bên trong nhưng vẫn duy trì được thái độ cảnh giác để đối phó với những hành động chính sách đối ngoại gây phức tạp của CHND Trung Hoa ở châu Á và trên thế giới.

Hiện tại vẫn chưa rõ tác động lâu dài đối với quan hệ Trung - Mỹ sau sự kiện tấn công khủng bố 11/9. Chiến đấu chống khủng bố toàn cầu có thể là một khuôn khổ mới để xây dựng quan hệ hợp tác Trung - Mỹ, lấp chỗ trống để lại khi Liên Xô sụp đổ và hợp tác chiến lược không còn là cơ sở thực tiễn của mối quan hệ. Lợi ích của hợp tác Trung - Mỹ trong các sáng kiến chống khủng bố có thể giúp tẩy chay những phần tử cứng rắn chống Mỹ ở CHND Trung Hoa, và có thể thay đổi trọng tâm của Quốc hội hướng tới những biện pháp chống khủng bố sâu rộng hơn và từ bỏ những biện pháp nhằm vào CHND Trung Hoa. Hợp tác chống khủng bố cũng có thể tạo đòn bẩy lớn hơn cho Mỹ trong các vấn đề liên quan đến việc chuyển giao công nghệ vũ khí hạt nhân, tên lửa, và/hay hóa học cho các nước bị cho là ủng hộ khủng bố như Iraq, Bắc Triều Tiên, Libya và Syria.

CÁC ĐẠO LUẬT

P.L.107-10 (H.R. 428)

Đây là đạo luật cho phép Tổng thống đưa ra kế hoạch ủng hộ và giành địa vị quan sát viên cho Đài Loan tại cuộc họp thượng đỉnh thường niên kéo dài một tuần của Tổ chức Y tế Thế giới tháng 5/2001 ở Geneva, Thụy Sỹ. Được ra ngày 6/2/2001, và chuyển cho Ủy ban Quan hệ Quốc tế Hạ viện ghi mã số ngày 28/3/2001. Hạ viện thông qua dự luật ngày 24/4/2001 với tỷ lệ số phiếu 407-0. Thượng viện thông qua dự luật với sự nhất trí hoàn toàn kèm theo một bản sửa đổi ngày 9/5/2001. Hạ viện nhất trí với bản sửa đổi của Thượng viện ngày 15/3/2001 với tỷ lệ 415-0 và hoàn tất thủ tục chuẩn bị trình lên Tổng thống ký. Dự luật trở thành P.L.107-10 ngày 28/5/2001.

P.L.107-228 (H.R. 1646/S. 1401/S. 1803)

Đạo luật P.L.107-228 về Quyền lực trong Hoạt động đối ngoại năm tài khóa 2002-2003 gồm một số điều khoản về Trung Quốc. Những điều khoản thực chất hơn này đề cập chính sách và hành động của Mỹ đối với Tây Tạng và Đài Loan. "Đạo luật Chính sách Tây Tạng 2002" bắt đầu từ Phần 611, Phụ đê B với các điều khoản tuy không rộng nhưng tương tự Đạo luật Chính sách Tây Tạng năm 2001 (H.R. 1779 và S.852). Các điều khoản của luật gồm: mở cửa một văn phòng lãnh sự Mỹ ở Lhasa; dạy ngôn ngữ Tây Tạng cho các cán bộ ngoại giao Mỹ; tăng trách nhiệm của Ủy ban chung giữa Quốc hội và Chính phủ về CHND Trung Hoa (CECPRC) giám sát và báo cáo về tình hình đối thoại giữa chính phủ Trung Quốc và Đatlai Lạtma; ủng hộ các tổ chức quốc tế phát triển kinh tế ở Cao nguyên Tây Tạng; và chi 500.000 đô-la cho mỗi năm tài khóa 2002-2003 cho các chương trình giao lưu giữa Mỹ và nhân dân Tây Tạng. Những điều khoản này tương tự với những điều

khoản trong Đạo luật Chính sách Tây Tạng năm 2001 (H.R. 1779 và S.852). Luật này cho phép Ngoại trưởng cử một cán bộ Bộ Ngoại giao đến công tác tại Viện Hoa Kỳ ở Đài Loan (AIT) nhưng vẫn ăn lương chính phủ Mỹ nếu như Ngoại trưởng xác định rằng một công việc như vậy là phù hợp lợi ích của Mỹ. Luật này cũng quy định vì mục đích bán vũ khí của Mỹ, Đài Loan nên được đối xử như một đồng minh quan trọng không thuộc NATO của Mỹ. Luật cũng yêu cầu Tổng thống tham vấn với Quốc hội về việc bán các thiết bị và vật dụng quốc phòng cho Đài Loan. Bản chính của Thượng viện S.1401 có những quy định tương tự về Trung Quốc và Tây Tạng so với dự luật do Hạ viện thông qua. Ngày 1/5/2002, Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Mỹ không phải tham khảo thêm bản của Hạ viện H.R. 1646. Cùng ngày, toàn bộ Thượng viện nhận dự luật và hoàn toàn nhất trí thông qua luật bổ sung S.1803 *Đạo luật Hỗ trợ An ninh 2001* được giới thiệu bởi Thượng nghị sĩ Biden ngày 11/12/2001 và Thượng viện đã nhất trí thông qua ngày 20/12/2001 (S.Rept. 107-122). Báo cáo phiên họp 107-671 được lưu ngày 23/9/2002. Hạ viện nhất trí với báo cáo thông qua bỏ phiếu miếng ngày 25/9/2002 và Thượng viện nhất trí hoàn toàn ngày 26/9/2002.

H.R. 1779/S. 852 (Lantos/Feinstein)

Đạo luật về Chính sách Tây Tạng năm 2001. Được đưa ra trước Thượng viện và Hạ viện ngày 9/5/2001, dự luật tái khẳng định quan điểm Tây Tạng là một nước bị xâm lược bất hợp pháp, quy định yêu cầu báo cáo hai lần một năm về tình hình đàm phán của Trung Quốc với Đatlai Lạt ma và quy định về một số chính sách của Mỹ về cho vay quốc tế các dự án ở Tây Tạng. Dự luật được chuyển cho Ủy ban Quan hệ Quốc tế Hạ viện và Ủy ban Đối ngoại Thượng viện.

CÁC SỰ KIỆN CHÍNH

8/11/2002: Đại hội Đảng lần thứ 16 khai mạc, kết quả là việc chọn ra Bộ Chính trị mới gồm 24 thành viên, một Uỷ ban thường vụ mới có 9 thành viên, và một Tổng Bí thư mới ông Hồ Cẩm Đào thay Tổng Bí thư cũ Giang Trạch Dân.

23/9/2002: Hai tàu Hải quân Trung Quốc đã hoàn tất chuyến đi 4 tháng, đánh dấu lần đầu tiên Hải quân Trung Quốc đi vòng quanh thế giới.

20/9/2002: Các quan chức Trung Quốc đã thả nhà hoạt động chống AIDS Wan Yanhai.

26/8/2002: Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Armitage thông báo Mỹ xếp Phong trào Hồi giáo Đông Turkestan vào danh sách các nhóm khủng bố.

25/8/2002: Bắc Kinh công bố những quy định mới về kiểm soát xuất khẩu liên quan đến tên lửa.

23/6/2002: Các quan chức Trung Quốc cho phép 26 người tỵ nạn Bắc Triều Tiên rời Trung Quốc.

30/4/2002: Phó Thủ tướng Hồ Cẩm Đào bắt đầu chuyến thăm chính thức đầu tiên tới Mỹ.

4/3/2002: Bộ Ngoại giao Mỹ công bố cáo thường niên về vi phạm nhân quyền, nói rằng tình hình nhân quyền của Trung Quốc "vẫn tồi tệ".

21/2/2002: Tổng thống Bush thăm Trung Quốc, Nhật Bản, và Hàn Quốc.

1/1/2002: Trung Quốc được hưởng quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn của Mỹ được nêu rõ trong đạo luật P.L.106-246.

11/12/2001: Trung Quốc chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới.

23/8/2001: Hội đàm tên lửa Trung - Mỹ bắt đầu ở Bắc Kinh về cáo buộc rằng Trung Quốc đã vi phạm cam kết không phổ biến vũ khí của mình.

13/7/2001: Bắc Kinh giành quyền đăng cai Thế vận hội 2008.

4/6/2001: Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld phát biểu với báo chí rằng Mỹ sẽ nối lại quan hệ quân sự với Trung Quốc vốn bị gián đoạn sau vụ EP-3.

18/4/2001: Uỷ ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc bỏ phiếu 23-17 kiến nghị "không hành động" của Trung Quốc về một nghị quyết của Mỹ lên án hành vi nhân quyền của Trung Quốc.

12/4/2001: Trung Quốc thả 24 nhân viên phi hành đoàn EP-3 của Mỹ bị giữ từ 1/4/2001.

1/4/2001: Một chiến đấu cơ F8 của Trung Quốc đâm vào một máy bay do thám EP-3 của Hải quân Mỹ trên Biển Nam Trung Hoa. Chiếc EP-3 này đã hạ cánh khẩn cấp trên đảo Hải Nam.

28/2/2001: Trung Quốc phê chuẩn có bảo lưu Công ước quốc tế về Quyền Kinh tế, Xã hội, và Văn hóa của Liên Hợp Quốc và ký ngày 27/10/1997.

29/1/2001: Cơ quan Phát triển và Thương mại của Mỹ (TDA) thông báo sẽ nối lại chương trình viện trợ ở Trung Quốc bị gián đoạn từ năm 1989.

16/12/1999: Các nhà đàm phán Mỹ và Trung Quốc đã đạt được thỏa thuận về bồi thường thiệt hại trong vụ ném bom nhầm của NATO vào Sứ quán Trung Quốc ở Belgrade.

22/7/1999: Trung Quốc đặt ngoài vòng pháp luật môn phái tinh thần Pháp luân công ở Trung Quốc.

8/5/1999: Lực lượng NATO ném bom nhầm Sứ quán Trung Quốc ở Belgrade.

TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

Báo cáo Vấn đề CRS IB98034: *Đài Loan: Những diễn biến gần đây và sự lựa chọn chính sách của Mỹ*.

Báo cáo CRS RS21351: *Hợp thương đỉnh Trung - Mỹ, tháng 10/2002*.

Báo cáo CRS RL30990: *Vấn đề kế nhiệm chính trị và lãnh đạo ở Trung Quốc: Hệ quả đối với chính sách của Mỹ*.

Sách tóm lược về chủ nghĩa khủng bố của CRS,
<http://www.congress.gov;brbk/html/ebter1.shtml>